

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02-8-2024.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Dũng.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1989. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Đinh Huy C, sinh năm 1990. Có mặt.

Cùng địa chỉ thường trú: Số A, đường Đ, tổ D, khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Thu T trình bày:

Bà Trần Thị Thu T và ông Đinh Huy C tự nguyện tìm hiểu, chung sống và được hai gia đình đồng ý làm lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01/2015 ngày 20/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng kể từ sinh cháu đầu được khoảng 7, 8 tháng tuổi thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên lớn tiếng cãi vã, ông C có mấy lần đánh đập bà T và có đại diện chính quyền địa phương xuống lập biên bản nên hai vợ chồng không thể hòa hợp, không còn quan tâm chăm sóc gì nhau, mục đích hôn nhân không

đạt được, vợ chồng đã nhiều lần cho nhau cơ hội, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không đoàn tụ được vợ chồng đã ly thân khoảng 2 năm nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đinh Huy C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Đinh Ngọc Gia H, sinh ngày 09/7/2018 và Đinh Ngọc Thùy A, sinh ngày 25/10/2020. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Đinh Ngọc Gia H và Đinh Ngọc Thùy A. Vì 4 đến 5 năm nay, một mình bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con, từ việc ăn uống, học hành, ngủ nghỉ và kinh phí sinh hoạt gia đình đều do một mình bà T lo liệu. Ông C có đi làm nhưng không phụ giúp gì việc chăm sóc, ăn uống, chi phí học hành cho con. Từ lúc hai con đi học thì một mình bà T trả toàn bộ tiền học phí và ăn uống, sinh hoạt cho hai con. Hiện nay, ông C có đi làm nhưng cũng không phụ giúp chi phí gì chăm sóc cho con cái và kinh phí sinh hoạt gia đình. Hiện nay, bà T làm việc tự do và kinh doanh thu nhập hàng tháng khoảng 30 triệu đồng nên xác định có đầy đủ điều kiện để chăm sóc cho hai con. Vì trước nay con vẫn do một mình bà T chăm sóc và vẫn phát triển bình thường.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T tự nguyện không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Bản sao Căn cước công dân, Giấy khai sinh con, Giấy kết hôn, sao kê tài khoản ngân hàng liên quan đến thu nhập và đóng học phí cho con, 04 hình ảnh.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Đinh Huy C trình bày:

Ông Đinh Huy C và bà Trần Thị Thu T tự nguyện tìm hiểu, chung sống và được hai gia đình đồng ý làm lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyền số 01/2015 đăng ký ngày 20/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến nay thì vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung thường xuyên lớn tiếng, cãi vã, không thể hòa hợp, không còn quan tâm chăm sóc gì nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã nhiều lần cho nhau cơ hội, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không đoàn tụ được. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, đối với yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Thu T thì ông C đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Đinh Ngọc Gia H, sinh ngày 09/7/2018 và Đinh Ngọc Thùy A, sinh ngày 25/10/2020. Trường hợp ly hôn, ông C yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung tên Đinh Ngọc Thùy A và đồng ý giao con chung tên Đinh Ngọc Gia H cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Do bé lớn Đinh Ngọc Gia H, bà T đang làm thủ tục nhập học lớp 1 nên đề nghị Tòa án giao bé cho bà T nuôi dưỡng để tránh đảo lộn cuộc sống của bé, còn bé nhỏ Đinh Ngọc Thùy A ông C cảm thấy tính tình của bé không hợp với bà T, vì bà T ngày nào cũng chửi bới bé, nói thì bé không nghe và cách giáo dục và giờ sinh hoạt hàng

ngày không có khoa học. Tuy hiện nay bé phát triển bình thường nhưng ông C sợ sau này ảnh hưởng đến tâm lý của bé.

Hiện nay, ông C làm công nhân thiết kế bao bì, lương thu nhập hàng tháng khoảng 14 triệu đồng nên xác định có đầy đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng bé Đinh Ngọc Thùy A.

Về cấp dưỡng: Ông C tự nguyện không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con và cũng không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông C xác định không có yêu cầu phản tố gì trong vụ án và không có yêu cầu gì trong vụ án.

Chứng cứ do bị đơn cung cấp gồm: Sao kê tài khoản ngân hàng lương tháng 5/2024; 01 USB.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên trình bày và toàn bộ yêu cầu khởi kiện; Bị đơn giữ toàn bộ ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu T và ông Đinh Huy C thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: Sau khi ly hôn, giao cho bà Trần Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Đinh Ngọc Gia H, sinh ngày 09/7/2018 và Đinh Ngọc Thùy A, sinh ngày 25/10/2020.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Thu T về việc không yêu cầu ông Đinh Huy C cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trần Thị Thu T khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Đinh Huy C hiện đang cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố

Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu T và ông Đinh Huy C quen biết, tự tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyền số 01/2015 đăng ký ngày 20/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ, do đó đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Xét thấy, quá trình tố tụng giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thừa nhận quá trình vợ chồng chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên lớn tiếng, cãi vã và ông C có mấy lần đánh đập bà T và bị chính quyền địa phương lập biên bản. Do đó, vợ chồng không thể hòa hợp, không còn quan tâm chăm sóc gì nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã nhiều lần cho nhau cơ hội, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không đoàn tụ được. Do đó, bà Trần Thị Thu T và ông Đinh Huy C xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ nên thống nhất ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn này của nguyên đơn và bị đơn.

[2.3] Về con chung: Bà Trần Thị Thu T và ông Đinh Huy C trình bày có 02 con chung tên Đinh Ngọc Gia H, sinh ngày 09/7/2018 và Đinh Ngọc Thùy A, sinh ngày 25/10/2020.

[2.4] Đối với con chung tên Đinh Ngọc Gia H, sinh ngày 09/7/2018. Quá trình tố tụng, hòa giải để giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Bà Trần Thị Thu T và ông Đinh Huy C thống nhất: Sau khi ly hôn, giao cho bà Trần Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đinh Ngọc Gia H, sinh ngày 09/7/2018 và trong quá trình tố tụng ý kiến nguyện vọng của cháu H là được sống cùng với bà T. Do đó, sự thỏa thuận, thống nhất của nguyên đơn và bị đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

[2.5] Đối với con chung tên Đinh Ngọc Thùy A, sinh ngày 25/10/2020. Xét thấy, bị đơn thừa nhận về việc khoảng 2 đến 3 năm nay hai con chung do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng do trước đó ông C kinh doanh bất động sản gặp nhiều khó khăn nên không phụ giúp được nhiều gì kinh tế để chăm sóc con cái và kinh phí sinh hoạt gia đình và ông C không giữ tiền nên kinh phí nay để bà T tự lo. Nhưng khi đi làm về ông C vẫn phụ chăm sóc bình thường cho con. Ông C mới đi làm công nhân thiết kế bao bì chưa ký hợp đồng lao động thu thập hàng tháng khoảng 14 triệu đồng, làm việc giờ hành chính và ông C cảm thấy tính cách cháu Thùy A không hợp với mẹ và bà T cũng thường xuyên la mắng cháu nên ông C sợ ảnh hưởng đến tâm lý của cháu sau này nhưng ông C xác định hiện nay cháu Thùy A vẫn phát triển bình thường. Bà T trình bày bà hiện nay làm công việc tự do, mua bán hàng online, xuất nhập khẩu trên mạng và kinh doanh bất động sản thu nhập ổn định hàng tháng khoảng hơn 30 triệu đồng, hai con chung từ nhỏ sống chung với nhau và đều do một mình bà T chăm sóc và hai cháu phát triển bình thường hiện nay bà T cũng đang làm thủ tục cho cháu Thúy A1 vào học mầm non.

Xét thấy, bà T có công việc, kinh tế và thu nhập ổn định hơn ông C, có chỗ ở cố định, thời gian làm việc tự do và cũng là người trực tiếp chăm sóc ăn uống, ngủ nghỉ và học hành cho hai con từ nhỏ đến hiện nay, hai cháu sống chung, sinh hoạt, ngủ nghỉ

cùng nhau và hiện nay phát triển bình thường. Ngoài ra, cháu Thùy A là bé gái và hiện nay cháu còn rất nhỏ chưa tròn 4 tuổi nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc tỷ mỉ của người mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ giao cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đinh Ngọc Thùy A.

[2.5] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu T.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 68, 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu T đối với bị đơn ông Đinh Huy C về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu T và ông Đinh Huy C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, giao cho bà Trần Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Đinh Ngọc Gia H, sinh ngày 09/7/2018 và Đinh Ngọc Thùy A, sinh ngày 25/10/2020.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Thu T về việc không yêu cầu ông Đinh Huy C cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở; tuy nhiên không được lạm dụng quyền thăm con để gây cản trở, ảnh hưởng đến cuộc sống và học tập của con và người trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp nên không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004604 ngày 22/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cảnh Khang